TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 11 - 02 - 2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Bích Thuận;

Ông Nguyễn Quang Đạt.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên toà: Ông Vừ Bả Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 15/01/2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 60/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 30/01/2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 65/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị K; sinh ngày: 24/4/1981; nơi cư trú: Bản M. xã NL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Cà Văn S; sinh ngày: 06/7/1973; nơi cư trú: Bản M. xã NL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025 và Bản tự khai tại Toà án, nguyên đơn chị Lường Thị K trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Cà Văn S kết hôn với nhau từ ngày 05/6/1999 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Chị và anh Cà Văn S đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, đã sống ly thân từ năm 2024, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Cà Văn S.

Về con chung: Chị và anh Cà Văn S có 02 con chung: Cháu Cà Văn Đ, sinh ngày 03/02/2001 và cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/9/2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Cà Văn S, anh Cà Văn S không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do vậy không có lời khai của anh Cà Văn S đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị K.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Nguyên đơn chị Lường Thị K nhất trí không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác. Bị đơn anh Cà Văn S vắng mặt không có lý do.

Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/01/2026 nguyên đơn chị Lường Thị K trình bày do bận công việc, nên không thể có mặt để tham dự phiên toà, chị Lường Thị K đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị Lường Thị K về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tình cảm: Yêu cầu được ly hôn với anh Cà Văn S; về con chung: Cháu Cà Văn Đ, sinh ngày 03/02/2001 và cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/9/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị K đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cà Văn S đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lường Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Cà Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị K được ly hôn với anh Cà Văn S.

Về con chung: Chị Lường Thị K và anh Cà Văn S có hai con chung: Cháu Cà Văn Đ, sinh ngày 03/02/2001 và cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/9/2003, nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Cam đoan không có.

Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị K.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lường Thị K khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Cà Văn S có địa chỉ tại xã NL, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lường Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Cà Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh Cà Văn S vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lường Thị K, bị đơn anh Cà Văn S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị K và anh Cà Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La) vào ngày 05/6/1999, đúng theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị Lường Thị K và anh Cà Văn S đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị Lường Thị K và anh Cà Văn S đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh Cà Văn S đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai và hoà giải, anh Cà Văn S không có mặt, do vậy Toà án không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, điều này chính tỏ anh Cà Văn S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Lường Thị K và anh Cà Văn S tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho chị Lường Thị K được ly hôn với anh Cà Văn S. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Lường Thị K và anh Cà Văn S có 02 con chung: Cháu Cà Văn Đ, sinh ngày 03/02/2001 và cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/9/2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị Lường Thị K không yêu cầu Toà án giải quyết, cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Chị Lường Thị K là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị K. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị K ly hôn với anh Cà Văn S.

2. Về con chung: Chị Lường Thị K và anh Cà Văn S có 02 con chung: Cháu Cà Văn Đ, sinh ngày 03/02/2001 và cháu Cà Thị H, sinh ngày 16/9/2003. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị K.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lường Thị K; bị đơn anh Cà Văn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (2 bản);
- UBND xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La,
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Thị Hương